

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Mạnh Trường.

2. Ông Nguyễn Đình Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị N, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Thôn Q (đội 7 cũ), xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang trú tại: Đội 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

*Bị đơn:* Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn Q (đội 7 cũ), xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn xin ly hôn và Bản tự khai, nguyên đơn là chị Tạ Thị N trình bày:*

Chị đăng ký kết hôn với anh Đoàn Văn T vào ngày 20/01/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ

năm 2019. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Mạnh T, sinh ngày 14/10/2014, hiện đang ở với chị N. Chị nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai, bà Vũ Thị P là mẹ đẻ anh Đoàn Văn T cung cấp như sau:*

Anh Đoàn Văn T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án nhưng do bận công việc nên không đến Tòa án để làm việc. Anh T có quan điểm về việc chị N xin ly hôn như sau: Anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Mạnh T, sinh ngày 14/10/2014, hiện đang ở với chị N. Anh nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Tạ Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đoàn Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Tạ Thị N và anh Đoàn Văn T. Về con chung: Giao con chung là Đoàn Mạnh T, sinh ngày 14/10/2014 cho chị N nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Tạ Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Đoàn Văn T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Tạ Thị N kết hôn với anh Đoàn Văn T vào ngày 20/01/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, chị N và anh T chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trở nên căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Mạnh T, sinh ngày 14/10/2014. Chị N và anh T đều có ý kiến nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Hiện nay cháu T đang ở với chị N, do đó để ổn định việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập của cháu T cần giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp thực tế, với ý kiến của cháu T và với quy định của pháp luật.

Việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1.** Xử lý hôn nhân giữa chị Tạ Thị N và anh Đoàn Văn T.

**2.** Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đoàn Mạnh T, sinh ngày 14/10/2014 (*hiện nay cháu T đang ở với chị N*). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh Đoàn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

**3. Án phí:** Chị Tạ Thị N nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001983 ngày 24/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Chị Tạ Thị N và anh Đoàn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Bùi Văn Dũng**